BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Tổ chức quản lý công trình xây dựng - 1103016 (Đồ án TCTC)2

Mã lớp học phần: 110301602 **Số tín chỉ: 3.00**

Giảng viên giảng dạy: ĐOÀN KHẮC PHIẾU

Ngày thi: 16/01/13 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110060044	Bùi Văn	Đức	10/03/1993		5,0	Năm điểm	C13XD2	
2	1110060046	Nguyễn Hoàng	Phát	09/09/1993		5,0	Năm điểm	C13XD2	
3	1110060049	Trần Hoàng	Phúc	27/06/1992		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
4	1110060047	Phạm Hoàng	Phương	17/11/1993		5,0	Năm điểm	C13XD2	
5	1110060048	Huỳnh Văn	Phước	07/06/1990		5,0	Năm điểm	C13XD2	
6	1110060050	Hồ	Quí	08/01/1992		5,0	Năm điểm	C13XD2	
7	1110060051	Nguyễn Ngọc	Sơn	24/11/1993		5,0	Năm điểm	C13XD2	
8	1110060052	Nguyễn Ngọc	Sơn	25/11/1992		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
9	1110060055	Đặng Đức	Tài	06/08/1992		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
10	1110060054	Phan Thành	Tài	07/07/1992		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
11	1110060053	Tạ Minh	Tấn	25/03/1993		5,0	Năm điểm	C13XD2	
12	1110060060	Nguyễn Minh	Thành	17/12/1989		5,0	Năm điểm	C13XD2	
13	1110060059	Trần Văn	Thành	11/05/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
14	1110060058	Nguyễn Trần Anh	Thắng	24/09/1993		5,0	Năm điểm	C13XD2	
15	1110060056	Võ Bách	Thắng	01/01/1993		5,0	Năm điểm	C13XD2	
16	1110060057	Vũ	Thắng	20/11/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
17	1110060061	Nguyễn Chơn	Thiên	18/04/1990		5,0	Năm điểm	C13XD2	
18	1110060062	Trần Nam	Thiên	04/12/1992		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
19	1110060063	Bùi Thọ	Thiện	26/04/1993		6,0	Sáu điểm	C13XD2	
20	1110060064	Nguyễn Ngọc	Thiện	20/09/1992		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
21	1110060066	Huỳnh Đình	Thủ	26/10/1992		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
22	1110060065	Nguyễn Trí	Thức	17/05/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
23	1110060067	Huỳnh	Tiến	16/09/1993		5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
24	1110060069	Phạm Trung	Tín	09/03/1993				C13XD2	
25	1110060070	Nguyễn Văn	Tol	28/03/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
26	1110060071	Lê Thị Minh	Trang	19/06/1993		5,0	Năm điểm	C13XD2	
27	1110060075	Nguyễn Đình	Triều	19/09/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
28	1110060072	Dương Thanh Cao	Trí	02/08/1992		5,0	Năm điểm	C13XD2	
29	1110060073	Kiều Hữu	Trí	16/02/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
30	1110060078	Bùi Đức	Trung	12/03/1989		5,0	Năm điểm	C13XD2	
31	1110060076	Lê Bá	Trung	22/02/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
32	1110060077	Trần Văn	Trung	29/10/1992		5,0	Năm điểm	C13XD2	
33	1110060080	Huỳnh Thanh	Tùng	09/01/1991		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
34	1110060081	Võ Minh	Tùng	10/12/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1110060079	Võ Thanh	**Tùng**	24/08/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
36	1110060082	Đặng Văn	**Việt**	09/08/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
37	1110060083	Tạ Ngọc	**Vinh**	16/01/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
38	1110060085	Nguyễn Hoàng	**Vũ**	26/10/1993		5,0	Năm điểm	C13XD2	
39	1110060086	Trương Quốc	**Vũ**	28/09/1992		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
40	1110060084	Hồ Đặng Khánh	**Vương**	14/10/1993		4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Tổ chức quản lý công trình xây dựng - 1103016
Mã lớp học phần: 110301602 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: ĐOÀN-KHẮC-PHIẾU
Ngày thi: 28/11/2013 **Giờ thi:** 9h30' **Phòng thi:** A1 B

Giám thị 1: Phạm Phú Thuận Ký tên:
Giám thị 2: Mai Thị Kim Liên Ký tên:
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110060044	Bùi Văn	Đức	10/03/1993		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
2	1110060046	Nguyễn Hoàng	Phát	09/09/1993		1	6,0	Sáu điểm	C13XD2	
3	1110060049	Trần Hoàng	Phúc	27/06/1992		2	4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
4	1110060047	Phạm Hoàng	Phương	17/11/1993		2	6,0	Sáu điểm	C13XD2	
5	1110060048	Huỳnh Văn	Phước	07/06/1990		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
6	1110060050	Hồ	Quí	08/01/1992		1	2,75	Hai bảy năm	C13XD2	
7	1110060051	Nguyễn Ngọc	Sơn	24/11/1993		1	4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
8	1110060052	Nguyễn Ngọc	Sơn	25/11/1992		1	4,0	Bốn điểm	C13XD2	
9	1110060055	Đặng Đức	Tài	06/08/1992		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
10	1110060054	Phan Thành	Tài	07/07/1992		2	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
11	1110060053	Tạ Minh	Tấn	25/03/1993		2	6,0	Sáu điểm	C13XD2	
12	1110060060	Nguyễn Minh	Thành	17/12/1989		2	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
13	1110060059	Trần Văn	Thành	11/05/1993		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
14	1110060058	Nguyễn Trần Anh	Thắng	24/09/1993		2	4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
15	1110060056	Võ Bách	Thắng	01/01/1993		2	5,75	Năm bảy năm	C13XD2	
16	1110060057	Vũ	Thắng	20/11/1993		1	4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
17	1110060061	Nguyễn Chơn	Thiên	18/04/1990		2	4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
18	1110060062	Trần Nam	Thiên	04/12/1992		2	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
19	1110060063	Bùi Thọ	Thiện	26/04/1993		2	6,0	Sáu điểm	C13XD2	
20	1110060064	Nguyễn Ngọc	Thiện	20/09/1992		2	6,0	Sáu điểm	C13XD2	
21	1110060066	Huỳnh Đình	Thủ	26/10/1992		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
22	1110060065	Nguyễn Trí	Thức	17/05/1993		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
23	1110060067	Huỳnh	Tiến	16/09/1993		2	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
24	1110060069	Phạm Trung	Tín	09/03/1993					C13XD2	✓
25	1110060070	Nguyễn Văn	Tol	28/03/1993		2	4,0	bốn điểm	C13XD2	
26	1110060071	Lê Thị Mỉnh	Trang	19/06/1993		1	4,50	bốn rưỡi	C13XD2	
27	1110060075	Nguyễn Đình	Triều	19/09/1993		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
28	1110060072	Dương Thanh Cao	Trí	02/08/1992		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
29	1110060073	Kiều Hữu	Trí	16/02/1993		1	5,75	Năm bảy năm	C13XD2	
30	1110060078	Bùi Đức	Trung	12/03/1989		2	5,75	Năm bảy năm	C13XD2	
31	1110060076	Lê Bá	Trung	22/02/1993		2	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
32	1110060077	Trần Văn	Trung	29/10/1992		2	6,0	Sáu điểm	C13XD2	
33	1110060080	Huỳnh Thanh	Tùng	09/01/1991		1	5,75	Năm bảy năm	C13XD2	
34	1110060081	Võ Minh	Tùng	10/12/1993		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1110060079	Võ Thanh	**Tùng**	24/08/1993		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
36	1110060082	Đặng Văn	**Việt**	09/08/1993		1	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
37	1110060083	Tạ Ngọc	**Vinh**	16/01/1993		1	2,75	Hai bảy năm	C13XD2	
38	1110060085	Nguyễn Hoàng	**Vũ**	26/10/1993		1	4,50	Bốn rưỡi	C13XD2	
39	1110060086	Trương Quốc	**Vũ**	28/09/1992		2	5,50	Năm rưỡi	C13XD2	
40	1110060084	Hồ Đặng Khánh	**Vương**	14/10/1993		2	3,50	Ba rưỡi	C13XD2	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*